CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt

Thông tư số 01/2018/TT-NHNN ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 (sau đây gọi là Luật số 17/2017/QH14);

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.[1]

---

[1] Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

Điều 2. Đồng tiền cho vay đặc biệt

Đồng tiền cho vay đặc biệt là đồng Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương án cơ cấu lại là một trong các phương án quy định tại khoản 35 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 17/2017/QH14.

2. Phương án chuyển nhượng là phương án quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật số 17/2017/QH14.

3. Bên đi vay đặc biệt (sau đây gọi là bên đi vay) là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

4. Bên cho vay đặc biệt (sau đây gọi là bên cho vay) là Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác.

5. Lãi suất cho vay đặc biệt ưu đãi (sau đây gọi là lãi suất ưu đãi) là lãi suất thấp hơn lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ tại thời điểm khoản cho vay đặc biệt được giải ngân, gia hạn.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đặt trụ sở chính.

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước."

Điều 4. Nguyên tắc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt

1. Mức cho vay đặc biệt; thời hạn cho vay đặc biệt; mục đích sử dụng khoản cho vay đặc biệt; lãi suất cho vay đặc biệt; lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt; lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn; miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt; việc xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt (bao gồm cả việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt) thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật số 17/2017/QH14 (sau đây gọi là quyết định của Thủ tướng Chính phủ), phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt. Trường hợp quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt không quy định thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0% do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 5. Các trường hợp cho vay đặc biệt

1. Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

b) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ phục hồi đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, tổ chức tài chính vi mô theo phương án phục hồi đã được phê duyệt;

c) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ phục hồi đối với ngân hàng thương mại theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

d) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật số 17/2017/QH14 có hiệu lực theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật số 17/2017/QH14 có hiệu lực sau chuyển nhượng theo phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

b) Cho vay đặc biệt theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ thanh khoản đối với công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ khi công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt;

c) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ phục hồi đối với công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

3. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

b) Cho vay đặc biệt theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ thanh khoản đối với quỹ tín dụng nhân dân từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân khi quỹ tín dụng nhân dân có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt;

c) Cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% để hỗ trợ phục hồi đối với quỹ tín dụng nhân dân từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

4. Tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản đối với tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

b) Cho vay đặc biệt để hỗ trợ phục hồi đối với tổ chức tín dụng theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 6. Chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt

1. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, khoản cho vay tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng đó được chuyển thành khoản cho vay đặc biệt như sau:

a) Trường hợp khoản cho vay tái cấp vốn còn trong hạn, dư nợ gốc cho vay tái cấp vốn được chuyển thành dư nợ gốc cho vay đặc biệt, dư nợ lãi cho vay tái cấp vốn được chuyển thành dư nợ lãi cho vay đặc biệt, ngày đến hạn của khoản cho vay đặc biệt là ngày đến hạn của khoản cho vay tái cấp vốn, lãi suất của khoản cho vay đặc biệt là lãi suất của khoản cho vay tái cấp vốn;

b) Trường hợp khoản cho vay tái cấp vốn đã quá hạn, dư nợ gốc cho vay tái cấp vốn quá hạn được chuyển thành dư nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn, dư nợ lãi cho vay tái cấp vốn chậm trả chuyển thành dư nợ lãi cho vay đặc biệt chậm trả, lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn là lãi suất đối với nợ gốc cho vay tái cấp vốn quá hạn.

2. Việc chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt được quy định tại Quyết định của Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.

Điều 7. Thẩm quyền ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt

Thẩm quyền ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt của bên đi vay là người đại diện hợp pháp của bên đi vay.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Mục đích sử dụng khoản vay đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chỉ được sử dụng khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này để chi trả tiền gửi của người gửi tiền là cá nhân tại tổ chức tín dụng, việc sử dụng khoản vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

2. Các đối tượng được chi trả quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm:

a) Người có liên quan của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Người điều hành của tổ chức tín dụng;

c) Người có liên quan của người quản lý, người điều hành, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt sử dụng khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay.

Điều 9. Mức cho vay đặc biệt

1. Mức cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định trên cơ sở tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

2. Mức cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay.

Điều 10. Thời hạn cho vay đặc biệt

1. Thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định nhưng tối đa là 02 năm.

2. Thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay.

Điều 11. Lãi suất

1. Đối với khoản cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước:

a) Lãi suất cho vay đặc biệt, lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt là lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ tại thời điểm khoản cho vay đặc biệt được giải ngân, gia hạn;

b) Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay đặc biệt trong hạn của khoản vay ngay trước thời điểm chuyển quá hạn, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Đối với khoản cho vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác:

a) Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này, lãi suất cho vay đặc biệt, lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt, lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn thực hiện theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay;

b) Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này, lãi suất cho vay đặc biệt, lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt là lãi suất ưu đãi đến mức 0% do Ngân hàng Nhà nước quyết định. Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay đặc biệt trong hạn của khoản vay ngay trước thời điểm chuyển quá hạn.

3. Việc miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác thực hiện theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay.

Điều 12. Gia hạn cho vay đặc biệt

1. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này khi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng chưa được phê duyệt hoặc thay đổi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng nhưng chưa được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt trên cơ sở tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thời gian gia hạn mỗi lần tối đa là 02 năm.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này khi phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng cho vay xem xét, quyết định việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt.

Điều 13. Trả nợ vay đặc biệt

1. Khi khoản vay đặc biệt đến hạn, bên đi vay phải trả hết nợ gốc, lãi vay đặc biệt cho bên cho vay. Bên đi vay có thể trả nợ vay đặc biệt trước hạn.

2. Biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp bên đi vay không trả hết khoản vay đặc biệt đúng hạn và không được gia hạn:

a) Chuyển khoản cho vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng; áp dụng lãi suất đối với nợ gốc quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước sau khi có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản tiền gửi để thu hồi nợ;

c) Thu hồi nợ từ các nguồn khác của tổ chức tín dụng.

3. Biện pháp xử lý của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp bên đi vay không trả hết khoản vay đặc biệt đúng hạn và không được gia hạn:

a) Chuyển sang theo dõi quá hạn số tiền gốc, lãi cho vay đặc biệt đến hạn tổ chức tín dụng chưa trả, áp dụng lãi suất đối với nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

b) Thu hồi nợ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

4. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng trong các trường hợp sau:

a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;

b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

5. Trong trường hợp có nhiều bên cho vay và khoản vay đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, nếu bên đi vay không đủ nguồn để trả hết nợ vay đặc biệt cho nhiều bên cho vay thì trả nợ theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Điều 14. Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả và có nhu cầu vay đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt gửi 04 bộ hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đến Ban kiểm soát đặc biệt.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Giấy đề nghị vay đặc biệt, trong đó nêu rõ: tên tổ chức tín dụng, số tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh,

thành phố, lý do, số tiền, thời hạn, lãi suất đề nghị vay, mục đích sử dụng tiền vay, cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích và tuân thủ quy định pháp luật về cho vay đặc biệt;

b) Báo cáo về nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc tình hình mất khả năng chi trả, các biện pháp đã áp dụng và dự kiến áp dụng để khắc phục, dự kiến nhu cầu vay đặc biệt;

c) Số liệu tiền gửi bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Số liệu về nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Văn bản, tài liệu khác theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Trường hợp đồng ý với đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ), 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có nhiệm vụ thực hiện thanh tra, giám sát), kèm theo văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt có ý kiến về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Ý kiến cụ thể tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống;

c) Kiến nghị cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, ý kiến cụ thể về mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt.

3. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Ý kiến cụ thể về việc tổ chức tín dụng thuộc hay không thuộc trường hợp có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống;

c) Ý kiến đồng ý hay không đồng ý cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; ý kiến cụ thể về mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt, nội dung khác (nếu có); trường hợp không đồng ý cho vay đặc biệt phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Ý kiến cụ thể về việc tổ chức tín dụng thuộc hay không thuộc trường hợp có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống;

c) Ý kiến đồng ý hay không đồng ý cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; ý kiến cụ thể về mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt, đề xuất việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư này hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này, nội dung khác (nếu có); trường hợp không đồng ý cho vay đặc biệt phải nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho vay đặc biệt, mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt; trường hợp không đồng ý cho vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tín dụng.

7. Căn cứ văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam ký hợp đồng cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 15. Trình tự Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt

1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 5 Thông tư này, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đến Ban kiểm soát đặc biệt.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Giấy đề nghị vay đặc biệt, trong đó nêu rõ số tiền, mục đích, thời hạn, lãi suất đề nghị vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt, cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt;

b) Văn bản, tài liệu khác theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Trường hợp đồng ý với đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ), kèm theo văn bản kiến nghị cụ thể mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt.

3. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

a) Nội dung về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt;

b) Ý kiến đồng ý hay không đồng ý cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; ý kiến cụ thể về mức cho vay đặc biệt, mục đích, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt, nội dung khác (nếu có); trường hợp không đồng ý cho vay đặc biệt phải nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 4 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

6. Căn cứ văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ký hợp đồng cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 16. Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản

1. Khi có nhu cầu gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này, trong thời hạn tối thiểu 40 ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ, tổ chức tín dụng phải gửi hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước gia hạn đến Ban kiểm soát đặc biệt.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt, trong đó nêu rõ: tên tổ chức tín dụng, số tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam mở tại bên cho vay, lý do, số tiền, thời hạn, lãi suất đề nghị gia hạn, cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt;

b) Báo cáo về tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

c) Số liệu về nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Văn bản, tài liệu khác theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Trường hợp đồng ý với đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ), 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có nhiệm vụ thực hiện thanh tra, giám sát), kèm theo văn bản có ý kiến về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Kiến nghị gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, ý kiến cụ thể về số tiền, thời hạn, lãi suất gia hạn.

3. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Ý kiến đồng ý hay không đồng ý gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng; ý kiến cụ thể về số tiền, thời hạn, lãi suất gia hạn, nội dung khác (nếu có); trường hợp không đồng ý gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

b) Chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước quyết định; chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; nội dung về khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng trong

chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt (nếu có);

c) Ý kiến đồng ý hay không đồng ý gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng; ý kiến cụ thể về số tiền, thời hạn, lãi suất gia hạn, nội dung khác (nếu có); trường hợp không đồng ý gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng phải nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, số tiền, thời hạn, lãi suất gia hạn; trường hợp không đồng ý gia hạn cho vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tín dụng.

7. Căn cứ văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 17. Trình tự Ngân hàng Nhà nước gia hạn khoản vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt

1. Đối với khoản vay đặc biệt quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 5 Thông tư này, trên cơ sở nội dung về gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt, tổ chức tín dụng gửi Giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt (03 bản) đến Ban kiểm soát đặc biệt. Giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt nêu rõ số tiền, thời hạn, lãi suất đề nghị gia hạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt và cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt.

2. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt gửi 02 bản Giấy đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) kèm theo văn bản có ý kiến đối với đề nghị gia hạn vay đặc biệt của tổ chức tín dụng.

3. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về nội dung gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt, ý kiến đối với đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng.

5. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

6. Căn cứ văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 18. Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt

1. Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác xem xét cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản:

a) Khi có nhu cầu vay đặc biệt, gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư này, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt gửi 04 bộ hồ sơ đề nghị đến Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác. Trường hợp đề nghị gia hạn, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 20 ngày làm việc.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

i) Các văn bản theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác;

ii) Văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt đề nghị cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

b) Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a khoản này, trường hợp có thể cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có nhiệm vụ thực hiện thanh tra, giám sát) về các nội dung sau:

i) Tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

ii) Tổ chức tín dụng thuộc hay không thuộc trường hợp có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống (áp dụng trong trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt);

iii) Nội dung về khoản cho vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác trong phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt (nếu có).

c) Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị quy định tại điểm b khoản này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

2. Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt và quy định nội bộ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác.

Điều 19. Giải ngân khoản vay đặc biệt

1. Đối với khoản cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt

a) Khi có nhu cầu được giải ngân vốn vay đặc biệt, tổ chức tín dụng gửi văn bản đề nghị giải ngân khoản vay đến Ban kiểm soát đặc biệt, trong đó nêu rõ số tiền, thời điểm, lý do đề nghị giải ngân;

b) Trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn vay của tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt xem xét, có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với đề nghị giải ngân khoản vay của tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, kèm theo văn bản đề nghị giải ngân của tổ chức tín dụng;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam xem xét giải ngân khoản vay đặc biệt trên cơ sở hợp đồng cho vay đặc biệt, đề nghị giải ngân khoản vay của tổ chức tín dụng và ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt.

2. Đối với khoản cho vay đặc biệt do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định cho vay, việc giải ngân khoản vay thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tổ chức tín dụng khác và thỏa thuận với bên đi vay.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[2]

[2] Điều 3 và điều 4 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:***

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Công ty thông tin tín dụng, Các cơ sở in, đúc tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm của bên đi vay

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho bên cho vay các hồ sơ, tài liệu về việc vay đặc biệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

3. Sử dụng khoản vay đặc biệt đúng mục đích, trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hợp đồng cho vay đặc biệt.

4. Định kỳ hằng tháng, trong vòng 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo hoặc khi cần thiết, có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (đối với trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho vay đặc biệt), Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (đối với trường hợp Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt), tổ chức tín dụng cho vay (đối với trường hợp tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt) về việc sử dụng khoản vay đặc biệt của bên đi vay cho đến khi khoản vay đặc biệt được sử dụng hết.

5. Thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu của bên cho vay.

Điều 21. Trách nhiệm của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng cho vay

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này; báo cáo Thống đốc Ngân hàng

---

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN;

b) Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 44/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN./."

Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt.

3. Ban hành quy định nội bộ về cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt, giải ngân khoản vay đặc biệt.

4. Giám sát việc sử dụng vốn vay đặc biệt của bên đi vay; đôn đốc, yêu cầu bên đi vay trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt, hợp đồng cho vay đặc biệt.

5.[3]Định kỳ hằng tháng, trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo hoặc khi cần thiết có văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo số liệu cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

Điều 22. Trách nhiệm của Ban kiểm soát đặc biệt

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giám sát việc sử dụng vốn vay đặc biệt; giám sát các khoản thu của bên đi vay để kiến nghị thu hồi nợ cho vay đặc biệt và đôn đốc, yêu cầu bên đi vay trả nợ vay đặc biệt.

3. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các nội dung sau:

a) Việc thu nợ và biện pháp thu nợ khoản cho vay đặc biệt;

b) Việc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt (bao gồm cả biện pháp xử lý trong trường hợp bên đi vay không trả hết nợ đúng hạn), việc miễn, giảm lãi cho vay đặc biệt trong nội dung phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Việc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt (bao gồm cả biện pháp xử lý trong trường hợp bên đi vay không trả hết nợ đúng hạn), việc miễn, giảm lãi

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

cho vay đặc biệt để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo khoản 2 Điều 3 Luật số 17/2017/QH14;

d) Việc sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng trong trường hợp việc vay đặc biệt, trả nợ vay đặc biệt của tổ chức tín dụng dẫn đến phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt bị thay đổi.

4. Kịp thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vấn đề phát sinh liên quan đến khoản cho vay đặc biệt và đề xuất biện pháp xử lý.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp số liệu cho vay đặc biệt phát sinh tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (đối với trường hợp cho vay đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (đối với trường hợp cho vay đặc biệt quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này) để định kỳ hằng tháng báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Có ý kiến về việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư này;

c) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

a) Có ý kiến về việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện ký hợp đồng cho vay đặc biệt có các nội dung cơ bản theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này, giải ngân, gia hạn, thu nợ cho vay đặc

biệt theo quy định tại Thông tư này, văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Căn cứ các nội dung chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt quy định tại Quyết định kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng, hạch toán chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt;

d) Thực hiện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 13 Thông tư này; Phối hợp với Ban kiểm soát đặc biệt thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này;

đ) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

e) Định kỳ hằng tháng, trong vòng 07 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo hoặc khi cần thiết có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ về số liệu cho vay đặc biệt theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Căn cứ các nội dung chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt quy định tại Quyết định kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng, hạch toán chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt;

b) Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

5. Vụ Tài chính - Kế toán: Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả việc chuyển dư nợ gốc, lãi khoản tái cấp vốn thành dư nợ cho vay đặc biệt.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khoản cho vay đặc biệt còn số dư đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo văn bản cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt hoặc hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký. Các văn bản cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt nêu trên được sửa đổi, bổ sung nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Đối với khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng đã vay trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực thi hành, việc xem xét gia hạn thực hiện theo trình tự sau:

a) Tổ chức tín dụng có văn bản đề nghị gia hạn gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 20 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với Ban kiểm soát đặc biệt (nếu có) có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này, kèm theo văn bản đề nghị gia hạn của tổ chức tín dụng;

c) Sau khi nhận được các văn bản quy định tại điểm b khoản này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến về các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

3. Đối với hồ sơ đề nghị gia hạn vay đặc biệt tổ chức tín dụng đã gửi Ngân hàng Nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn trên cơ sở hồ sơ đề nghị tổ chức tín dụng đã gửi theo trình tự Vụ Chính sách tiền tệ gửi lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến về các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc gia hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Thông tư số 06/2012/TT-NHNN ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng hết hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt)

Tên tổ chức tín dụng:.....

Số văn bản:.....

SỐ LIỆU TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Ngày... tháng... năm...

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tiền gửi của cá nhân
(1)	(2)
I. Tổng số (=II+III)	...
II. Tiền gửi không kỳ hạn	...
III. Tiền gửi có kỳ hạn	...
Trong đó,	
1. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 10 ngày tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay	...
2. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 20 ngày tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay	...
3. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 1 tháng tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay	...
4. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 3 tháng tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay	...
5. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày đề nghị vay	...

....., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của Ban Kiểm soát đặc biệt	Lập biểu	Kiểm soát	**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

Số liệu tiền gửi bằng đồng Việt Nam của khách hàng là cá nhân tính đến thời điểm gần nhất khi tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị vay đặc biệt; không bao gồm tiền gửi của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-NHNN.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt)

Tên tổ chức tín dụng.....

Số văn bản:....

SỐ LIỆU NGUỒN VỐN, SỬ DỤNG VỐN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày cuối năm trước liền kề	Ngày cuối tháng trước liền kề	Ngày hiện hành		
				Số dư	Thay đổi so với cuối năm trước	Thay đổi so với cuối tháng trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (3)	(7) = (5) - (4)
I	**Nguồn vốn VND**	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền gửi từ cá nhân, tổ chức (trừ TCTD)	...	...	...	...	...
a	Cá nhân	...	...	...	...	...
b	Tổ chức (trừ TCTD)	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	...	...	...	...	...
3	Vay, nhận tiền gửi từ TCTD khác	...	...	...	...	...
4	Vay NHNN	...	...	...	...	...
II	**Sử dụng vốn VND**	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền mặt tại quỹ	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi tại NHNN	...	...	...	...	...

3	Cho vay, gửi tiền tại TCTD khác	...	...	...	...	...
4	Tín dụng đối với nền kinh tế	...	...	...	...	...
5	Mua, đầu tư GTCG	...	...	...	...	...
a	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	...	...	...	...	...
b	Tín phiếu NHNN	...	...	...	...	...
c	GTCG khác (ghi rõ)	...	...	...	...	...

....., ngày..... tháng.... năm.....

Xác nhận của Ban kiểm soát đặc biệt	**Lập biểu**	**Kiểm soát**	**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY ĐẶC BIỆT
Số:.....

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-NHNN ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là Thông tư số 01/2018/TT-NHNN);

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho vay đặc biệt đối với..... (tên tổ chức tín dụng),

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại..., chúng tôi gồm:

Bên cho vay (Bên A): Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố...)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Số tài khoản thanh toán tiền vay:.....

Tên người đại diện:..... Chức vụ:.....

Bên đi vay (Bên B): Tên tổ chức tín dụng đi vay

Địa chỉ:...

Điện thoại:..... Fax:...

Số tài khoản tiền gửi:..... Mở tại:.....

Tên người đại diện:..... Chức vụ:...

Hai bên thống nhất việc Bên A cho vay đặc biệt đối với Bên B theo các nội dung sau:

Điều 1. Số tiền cho vay đặc biệt

- Bằng số:.....
- Bằng chữ:.....

Điều 2. Lãi suất cho vay đặc biệt:

- Lãi suất cho vay đặc biệt:...

- Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn:...

Điều 3. Thời hạn cho vay đặc biệt

- Thời hạn cho vay đặc biệt:...

- Thời hạn cho vay tính cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết thì thời hạn cho vay đặc biệt được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

Điều 4. Mục đích sử dụng tiền vay

...

Điều 5. Việc trả nợ khoản vay đặc biệt

...

Điều 6. Các cam kết, thỏa thuận:

- Bên B tuân thủ và chịu trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-NHNN.

- Trong trường hợp Bên B không trả hết nợ gốc, nợ lãi đúng hạn và không được gia hạn, Bên A sẽ thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 01/2018/TT-NHNN.

- Các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có):...

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN ĐI VAY **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐI VAY** *(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**BÊN CHO VAY** **GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ** *(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt)

Tên đơn vị báo cáo.....
Số văn bản:....

BÁO CÁO SỐ LIỆU CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Tháng... năm...

Đơn vị: đồng

STT	Tên TCTD đi vay	Số hiệu văn bản cho vay đặc biệt	Số tiền được chấp thuận cho vay đặc biệt	Giải ngân		Thu nợ		Chuyển nợ quá hạn		Số dư cuối tháng báo cáo	
				Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Trong hạn	Quá hạn
Tổng số											

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt.

2. Đơn vị nhận báo cáo:

- Đối với báo cáo do Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện, đơn vị nhận báo cáo gồm: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ.

- Đối với báo cáo do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt thực hiện:

+ Đơn vị nhận báo cáo gồm: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với trường hợp cho vay đặc biệt theo quy định tại điểm a, c khoản 2, điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-NHNN);

+ Đơn vị nhận báo cáo gồm: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ (đối với trường hợp cho vay đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-NHNN).

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 23/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2019

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn